

10/dec (FPM)

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **988** /BQP-KTe

Hà Nội, ngày **04** tháng **4** năm 2022

V/v hướng dẫn thực hiện Tiêu chí
19.1 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 19.1 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: *Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng* như sau:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương

a) Hằng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) xã căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

b) Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:

- Xây dựng Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Ban chỉ huy quân sự xã

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần:

- Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị.

- Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm.

- Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM) cấp xã đảm nhiệm.

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng:

- Xã loại 1, xã biên giới, ven biển, đảo được bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng;

- Các xã còn lại bố trí 01 Phó chỉ huy trưởng.

(Quy định tại Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ).

c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở, trong đó có 75% trở lên đạt trình độ cao đẳng, đại học.

- Hằng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng; có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động, dân quân biển là đảng viên.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

h) Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

6. Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng.

7. Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

8. Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

9. Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “*Tôi yêu chiến sỹ sao vương*” và “*Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam*”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên. *ze*

Nơi nhận:

- Như trên (danh sách kèm theo);
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- C23, C41, C56, C57;
- Lưu: VT, THBĐ. Th

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Vũ Hải Sản

DANH SÁCH GỬI HƯỚNG DẪN TIÊU CHÍ 19.1

(Kèm theo Công văn số: 988/BQP-KTe ngày 04 tháng 4 năm 2022 của BQP)

I. BTL CÁC QUÂN KHU, BTL TĐHN; BỘ CHQS CÁC TỈNH, TP TTTƯ: 70 bản

I	BTL Quân khu 1	V	BTL Quân khu 5
1	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	1	Bộ CHQS thành phố Đà Nẵng
2	Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang	2	Bộ CHQS tỉnh Quảng Nam
3	Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn	3	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi
4	Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng	4	Bộ CHQS tỉnh Bình Định
5	Bộ CHQS tỉnh Bắc Cạn	5	Bộ CHQS tỉnh Phú Yên
6	Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên	6	Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa
II	BTL Quân khu 2	7	Bộ CHQS tỉnh Gia Lai
1	Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	8	Bộ CHQS tỉnh Kon Tum
2	Bộ CHQS tỉnh Lai Châu	9	Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk
3	Bộ CHQS tỉnh Sơn La	10	Bộ CHQS tỉnh Đắk Nông
4	Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ	11	Bộ CHQS tỉnh Ninh Thuận
5	Bộ CHQS tỉnh Lào Cai	VI	BTL Quân khu 7
6	Bộ CHQS tỉnh Yên Bái	1	BTL Thành phố Hồ Chí Minh
7	Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang	2	Bộ CHQS tỉnh Lâm Đồng
8	Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Phúc	3	Bộ CHQS tỉnh Long An
9	Bộ CHQS tỉnh Hà Giang	4	Bộ CHQS tỉnh Bình Thuận
III	BTL Quân khu 3	5	Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh
1	Bộ CHQS thành phố Hải Phòng	6	Bộ CHQS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
2	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	7	Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai
3	Bộ CHQS tỉnh Hải Dương	8	Bộ CHQS tỉnh Bình Dương
4	Bộ CHQS tỉnh Thái Bình	9	Bộ CHQS tỉnh Bình Phước
5	Bộ CHQS tỉnh Nam Định	VII	BTL Quân khu 9
6	Bộ CHQS tỉnh Hà Nam	1	Bộ CHQS Thành phố Cần Thơ
7	Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình	2	Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang
8	Bộ CHQS tỉnh Hưng Yên	3	Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long
9	Bộ CHQS tỉnh Ninh Bình	4	Bộ CHQS tỉnh Bến Tre
IV	BTL Quân khu 4	5	Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh
1	Bộ CHQS tỉnh Nghệ An	6	Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp
2	Bộ CHQS tỉnh Hà Tĩnh	7	Bộ CHQS tỉnh An Giang
3	Bộ CHQS tỉnh Thanh Hóa	8	Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu
4	Bộ CHQS tỉnh Quảng Bình	9	Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng
5	Bộ CHQS tỉnh Quảng Trị	10	Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang
6	Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế	11	Bộ CHQS tỉnh Cà Mau
		12	Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang
		VIII	BTL Thủ đô Hà Nội

Tổng số 70: 07 Quân khu + BTL TĐHN = 8 và 62 đơn vị trực thuộc.

II. BỘ, NGÀNH: 02 bản

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT;

2. Bộ KH và Đầu tư.

III. TỔNG SỐ: 72 bản.